Hướng dẫn bài tập tuần 08

Add → New Items → Windows form → đặt tên là frmDKHP

Thiết kế theo yêu cầu bao gồm các Control: Lable, ListView, DataGridView và Button

```
1. Tại lớp DAL
```

```
Xây dựng phương thức lấy dữ liệu như sau:
public DataTable loadDMLop()
      DataTable dt = new DataTable();
      SqlCommand cmd = new SqlCommand();
      SqlDataAdapter da = new SqlDataAdapter();
      cmd.Connection = _Conn;
      cmd.CommandType = CommandType.StoredProcedure;
      cmd.CommandText = "loadDSLop";
      openConnection();
      da.SelectCommand = cmd;
      da.Fill(dt);
      closeConnection();
      return dt;
   }
   1. Tại lớp BUS
      Xây dựng phương thức lấy danh sách sinh viên như sau:
      public DataTable loadDSSV(string malop)
                    DataTable dt = new DataTable();
                    dt = dal_sv.loadDataTable("select * from SINHVIEN where lop="" + malop + """);
                    return dt;
      Xây dựng phương thức lấy danh sách lớp như sau
      public DataTable DSLop ()
             DataTable dt = new DataTable();
             dt = dal_sv.loadDMLop();
             return dt;
```

2. Load danh sách lớp vào ListView trong sự kiện FormLoad

```
DataTable dt = new DataTable();
dt = bsv.DSLop();
initListView(dt);
```

3. Thiết kế cấu trúc LisView bằng dòng lệnh initListView

4. Thiết kế cấu trúc DataGrid bằng dòng lệnh

Grid Sinh viên

```
public void initGridSV(string lop)
{
    // Tạo các cột
    dtgDSSV.Columns.Clear();

    DataGridViewColumn col2 = new DataGridViewTextBoxColumn();
    col2.Name = "masv";
    col2.HeaderText = "Mã SV";
```

```
col2.Width = 100;
      dtgDSSV.Columns.Add(col2);
      DataGridViewColumn col3 = new DataGridViewTextBoxColumn();
      col3.Name = "hoten";
      col3.HeaderText = "Ho tên";
      col3.Width = 230;
      dtgDSSV.Columns.Add(col3);
      DataGridViewColumn col4 = new DataGridViewTextBoxColumn();
      col4.Name = "ngaysinh";
      col4.HeaderText = "Ngày sinh";
      col4.Width = 120;
      dtgDSSV.Columns.Add(col4);
      DataGridViewColumn col5 = new DataGridViewTextBoxColumn();
      col5.Name = "phai";
      col5.HeaderText = "Phái";
      col 5.Width = 70;
      dtgDSSV.Columns.Add(col5);
      DataGridViewColumn col6 = new DataGridViewTextBoxColumn();
      col6.Name = "lop";
      col6.HeaderText = "Lóp";
      col6.Width = 100;
      dtgDSSV.Columns.Add(col6);
      DataGridViewColumn col7 = new DataGridViewTextBoxColumn();
      col7.Name = "dtb";
      col7.HeaderText = "Điểm TB";
      col7.Width = 100;
      dtgDSSV.Columns.Add(col7);
      DataTable dt = new DataTable();
      dt = bsv.loadDSSV(lop);
      for (int i = 0; i < dt.Rows.Count; i++)
        dtgDSSV.Rows.Add(dt.Rows[i]["masv"].ToString(), dt.Rows[i]["hoten"].ToString(),
DateTime.Parse(dt.Rows[i]["ngaysinh"].ToString()).ToString("dd/MM/yyyy"),
dt.Rows[i]["phai"].ToString(), dt.Rows[i]["lop"].ToString(), dt.Rows[i]["dtb"].ToString());
```

}

Grid DKHP

```
public void initGridDKHP(string masv)
 // Tạo các cột
  dtgDKHP.Columns.Clear();
  DataGridViewColumn col0 = new DataGridViewCheckBoxColumn();
  col0.Name = "chon";
  col0.HeaderText = "Chon";
  col0.Width = 50;
  dtgDKHP.Columns.Add(col0);
  DataGridViewColumn col1 = new DataGridViewTextBoxColumn();
  col1.Name = "nh";
  col1.HeaderText = "Năm hoc";
  coll.Width = 100;
  dtgDKHP.Columns.Add(col1);
  DataGridViewColumn col2 = new DataGridViewTextBoxColumn();
  col2.Name = "hk";
  col2.HeaderText = "Hoc kỳ";
  col2.Width = 100:
  dtgDKHP.Columns.Add(col2);
  DataGridViewColumn col3 = new DataGridViewTextBoxColumn();
  col3.Name = "masv";
  col3.HeaderText = "Mã sinh vien";
  col3.Width = 150;
  dtgDKHP.Columns.Add(col3);
  DataGridViewColumn col4 = new DataGridViewTextBoxColumn();
  col4.Name = "mamh";
  col4.HeaderText = "Mã môn học";
  col4.Width = 150;
  dtgDKHP.Columns.Add(col4);
  DataGridViewColumn col5 = new DataGridViewTextBoxColumn();
  col5.Name = "sotc";
  col5.HeaderText = "Số TC";
  col5.Width = 80:
  dtgDKHP.Columns.Add(col5);
  DataGridViewColumn col6 = new DataGridViewTextBoxColumn();
  col6.Name = "diadiem";
  col6.HeaderText = "Địa điểm";
  col6.Width = 100;
```

```
dtgDKHP.Columns.Add(col6);
      DataGridViewColumn col7 = new DataGridViewTextBoxColumn();
      col7.Name = "diem";
      col7.HeaderText = "Điểm";
      col7.Width = 80;
      dtgDKHP.Columns.Add(col7);
      DataTable dt = new DataTable();
      dt = bsv.loadDKHP(masv);
      for (int i = 0; i < dt.Rows.Count; i++)
        nh = dt.Rows[i]["nh"].ToString();
        hk = dt.Rows[i]["hk"].ToString();
        dtgDKHP.Rows.Add(false,nh,hk, masv, dt.Rows[i]["mamh"].ToString(),
dt.Rows[i]["sotc"].ToString(), dt.Rows[i]["diadiem"].ToString(), dt.Rows[i]["diem"].ToString());
}
   5. Viết lệnh load lại danh sách sinh viên khi chọn lớp trong sự kiện SelectedIndexChanged
       if (this.listLop.SelectedItems.Count == 0)
               return;
       initGridSV(listLop.SelectedItems[0].Text);
   6. Viết lệnh load lại thông tin ĐKHP sinh viên khi chọn sinh viên trong sự kiện
       dtgDSSV_SelectionChanged
       masv = dtgDSSV.Rows[dtgDSSV.CurrentCell.RowIndex].Cells["masv"].Value.ToString();
       initGridDKHP(masv);
   7. Viết sự kiện Click của nút "Thêm"
       dtgDKHP.Rows.Add(true, nh, hk, masv, "", "", "");
```

8. Viết sự kiện Click của nút "Xóa"

9. Viết sự kiện Click của nút "Cập nhật thay đổi"